

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2010

QUY CHẾ

Đào tạo đại học hệ chính quy theo Chương trình tiên tiến
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-MĐC ngày tháng 6 năm 2016 của
Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo Chương trình tiên tiến của trường Đại học Mỏ-Địa chất, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy của trường Đại học Mỏ - Địa chất tham gia học theo Chương trình tiên tiến bằng tiếng Anh, đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2: Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện rõ: trình độ đào tạo, đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình được xây dựng dựa trên cơ sở khung chương trình gốc đã được thoả thuận giữa trường đại học Mỏ - Địa chất với trường đối tác và bổ sung một số học phần bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh viên sẽ thực hiện khoá học bằng tiếng Anh. Các học phần bắt buộc theo quy định của Nhà nước Việt Nam học bằng tiếng Việt.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần thực hiện đúng theo quy định của trường đối tác.

4. Hiệu trưởng ban hành chương trình thực hiện như sau:

Thời gian đào tạo: 5 năm; khối lượng 194 tín chỉ, không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.

Chương trình được tổ chức giảng dạy phù hợp với kế hoạch đào tạo của trường Đại học Mở - Địa chất và trường đối tác để đảm bảo cho sinh viên có điều kiện hoàn thành tốt khoá học.

Điều 3: Học phần, tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Học phần thay thế và học phần tương đương:

Học phần thay thế là học phần được sử dụng để thay thế một học phần khác trước đây có trong chương trình đào tạo, nhưng nay không còn sử dụng nữa.

Học phần tương đương là học phần có trong chương trình đào tạo của ngành khác cho phép tích lũy để thay thế học phần trong chương trình đào tạo của ngành nào đó.

4. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Một tiết học được tính bằng 50 phút. Giữa hai tiết học liên tục được nghỉ 5 hay 10 phút theo quy định.

5. Giảng viên dạy lý thuyết trên lớp, làm bài tập, thực hành, thực tập theo giờ thiết kế của học phần và được quy định chi tiết trong đề cương của học phần đó. Giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên là giờ chuẩn bị bài giảng khi lên lớp của giáo viên. Giờ tiếp xúc sinh viên (Office Hours) ngoài giờ lên lớp trong các buổi thảo luận được quy định 3 giờ tiếp xúc cho mỗi tín chỉ và có khối lượng tương đương 1,5 giờ lên lớp lý thuyết. Giảng viên không tổ chức giờ tiếp xúc hoặc thảo luận sẽ không được tính giờ này trong khối lượng giảng dạy.

6. Thời gian hoạt động giảng dạy: Theo Quy định chung của Nhà trường.

Điều 4. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đạt từ điểm D trở lên tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần đạt từ điểm D trở lên mà sinh viên đó tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Điều 5. Tuyển sinh và nhập học

1. Đối tượng, điều kiện và phương thức tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của trường Đại học Mở - Địa chất.

Thí sinh đăng ký dự tuyển CTTT nhưng chưa đăng ký học các ngành khác của trường nếu không đảm bảo yêu cầu trình độ tiếng Anh nếu có nguyện vọng sẽ được xem xét xét tuyển vào các ngành khác nếu còn chỉ tiêu.

2. Đăng ký nhập học

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của trường Đại học Mở - Địa chất.

Điều 6: Nhiệm vụ và quyền hạn của sinh viên

Nhiệm vụ và quyền hạn của sinh viên như quy định trong “Đề án Đào tạo theo Chương trình tiên tiến tại một số trường Đại học của Việt Nam giai đoạn 2008 – 2015” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2008. Một số điểm cụ thể như sau:

- Nhiệm vụ:

- + Thực hiện tốt quy chế đào tạo, quy chế học sinh sinh viên và các quy định của Nhà trường .
- + Thường xuyên khai thác tài liệu từ thư viện điện tử và các nguồn học liệu mở phục vụ học tập.
- + Từng bước tham gia công tác nghiên cứu khoa học.
- + Thực hiện nghĩa vụ đóng học phí và các khoản đóng góp khác theo qui định.

- Quyền lợi:

- + Được cung cấp đầy đủ thông tin về học tập và nghiên cứu khoa học của chương trình.
- + Được ưu tiên bố trí thời gian thực hành, thí nghiệm ở các phòng thí nghiệm của trường, sử dụng các nguồn tư liệu, phương pháp thiết bị hiện đại, phương pháp giảng dạy tiên tiến và các cơ hội trao đổi sinh viên với đối tác nước ngoài.
- + Những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi của chương trình đào tạo tiên tiến sẽ được ưu tiên xét chuyển tiếp sinh ở trong và ngoài nước theo các chương trình học bổng của nhà nước, kể cả chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ.
- + Sinh viên được tham gia các hình thức sinh hoạt Đảng, Đoàn, Hội sinh viên... và là thành viên của các tổ chức này theo qui định chung của sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 7. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Mở-Địa chất tổ chức đào tạo Chương trình tiên tiến theo khoá

học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo thiết kế theo chương trình tiên tiến có **thời lượng 5 năm**.

b) Một năm học có 3 học kỳ chính và 01 học kỳ hè, mỗi học kỳ có ít nhất 12 tuần thực học và 2 tuần thi. Trong trường hợp cần thiết Hiệu trưởng có thể quyết định điều chỉnh.

c. Tốt nghiệp trước thời hạn: Sinh viên có thể tốt nghiệp trước thời hạn với thời gian tối thiểu là 4 năm nếu việc tích lũy tín chỉ đáp ứng được các yêu cầu của Quy chế.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đối với sinh viên học theo chương trình tiên tiến là 8 năm. Trường hợp không bố trí được thời gian kéo dài theo quy định, sinh viên sẽ phải chuyển sang học theo chương trình đào tạo bình thường của Nhà trường. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy và sinh viên nước ngoài không bị hạn chế thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Phòng Đào tạo đại học cùng Văn phòng Chương trình tiên tiến phối hợp với Trường đối tác xây dựng kế hoạch đào tạo của khoá học (5 năm) và lập thời khoá biểu học tập cho từng học kỳ.

Đối với các học phần Lý luận chính trị, GDTC, GDQP, sinh viên học bằng tiếng Việt và có thể đăng kí ghi danh học chung với sinh viên thuộc hệ chính quy của nhà trường.

Điều 8. Tổ chức lớp quản lý sinh viên

Theo quy định của Nhà trường.

Điều 9. Đăng ký học tập và rút bớt học phần

Theo Quy định của Nhà trường.

Quy trình đăng ký: Văn phòng CTTT thông báo kế hoạch đăng ký trên hệ thống mạng của Nhà trường và trực tiếp xử lý các trường hợp sinh viên không đăng ký được theo quy định của Nhà trường.

Điều 10. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F được thi lại 1 lần. Nếu thi lại vẫn không đạt và không thuộc diện xử lý buộc thôi học thì phải đăng ký học lại học phần đó

ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm D trở lên. Sau mỗi lần học lại, nếu thi vẫn chưa đạt được thi lại một lần.

2. Cho phép sinh viên có điểm thi kết thúc học phần đạt điểm D được thi lại theo quy định như đối với trường hợp bị điểm F để cải thiện điểm.

3. Sinh viên viên có học phần tự chọn bị điểm F có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

4. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 và 3 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại, hoặc đổi sang học phần khác đối với học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm thi chính thức được lấy theo điểm cao nhất trong các lần học. Việc đăng ký học lại vẫn theo các bước như đăng ký học lần đầu.

Điều 9. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi Trưởng Bộ môn chủ quản ngành học hoặc Chánh Văn phòng Chương trình tiên tiến muộn nhất là sau một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường; y tế địa phương hoặc của bệnh viện. Ngoài thời gian quy định, đơn xin nghỉ ốm sẽ không được chấp nhận và coi như bỏ học hay bỏ thi không có lý do.

Các trường hợp xin hoãn thi vì lý do cá nhân phải có đơn gửi Văn phòng CTTT trước ngày thi 03 ngày.

Điều 10: Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sinh viên có trách nhiệm tự theo dõi kết quả học tập của mình để xác định đang học năm thứ mấy, từ đó xác định kế hoạch và có hướng phấn đấu trong học tập. Văn phòng CTTT xử lý học tập theo điểm TBC học kỳ và điểm TBC tích lũy theo năm học được xếp hạng dựa trên số tín chỉ sinh viên tích lũy được.

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 40 tín chỉ
b) Sinh viên năm thứ hai	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 40 tín chỉ đến dưới 80 tín chỉ;
c) Sinh viên năm thứ ba	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 80 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ;

d) Sinh viên năm thứ tư	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ đến dưới 160 tín chỉ;
đ) Sinh viên năm thứ năm	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 160 tín chỉ đến hết khối lượng thiết kế theo chương trình đào tạo 5 năm.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm TBC tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a. Hạng bình thường: Nếu điểm TBC tích lũy đạt từ 2,0 trở lên

b. Hạng yếu: Nếu điểm TBC tích lũy đạt dưới 2,0 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học hoặc phải chuyển sang chương trình đào tạo khác 3. Kết quả học tập học kỳ hè được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước đó để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 11. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học đó trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,50. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới. Trường hợp không thể bố trí vào học lớp theo chương trình tiên tiến, nếu có nguyện vọng, sinh viên có thể được bố trí theo học các ngành thích hợp theo chương trình bình thường của Nhà trường.

Điều 12. Chuyển sang học đại học hệ chính quy bình thường hoặc bị buộc thôi học

1. Sau mỗi năm học, sinh viên buộc phải chuyển sang học hệ đại học chính quy

bình thường khi rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 1,0 hoặc điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên năm thứ nhất và dưới 1,5 đối với các năm tiếp theo;

b) Không có khả năng tiếp thu chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học kỳ thấp hơn giới hạn dưới theo quy định của Hiệu trưởng

b) Có điểm TBC tích lũy thấp hơn giới hạn dưới theo quy định của Hiệu trưởng;

c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

e) Tự ý bỏ học từ một học kỳ chính trở lên.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Văn phòng Chương trình tiên tiến phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

4. Những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học tại khoản 2 của điều này được quyền xin xét chuyển qua học chương trình đào tạo cao đẳng hoặc đào tạo hệ vừa làm vừa học và được bảo lưu một phần kết quả học tập khi học ở chương trình mới. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 13. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần;

điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không ít hơn 50 %.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, và đánh giá học phần phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần hoặc theo quy định chung của trường, cụ thể như sau:

$$\text{Điểm đánh giá học phần} = 0,6A + 0,3B + 0,1C$$

A, B, và C theo quy định tại điều 19 trong “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Mở - Địa chất.

2. Đối với các học phần vừa có thực hành vừa có lý thuyết: Sinh viên không hoàn thành phần thực hành sẽ không được thi phần lý thuyết và nhận điểm F. Sinh viên sau khi hoàn thành phần thực hành mới được thi phần lý thuyết.

3. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được là điểm của học phần thực hành.

4. Sinh viên chỉ được phép thi kết thúc học phần sau khi đã hoàn thành việc đóng học phí theo quy định.

5. Đối với sinh viên tham gia các chương trình trao đổi sinh viên, sinh viên học chuyển tiếp tại trường đối tác, việc công nhận điểm các môn học trong chương trình trao đổi, trong chương trình học chuyển tiếp, tương đương với các môn học trong chương trình đào tạo chương trình tiên tiến do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Văn phòng Chương trình tiên tiến.

Điều 14. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Sau khi kết thúc học phần hoặc kết thúc học kỳ, Trường tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

3. Văn phòng chương trình tiên tiến cấp phép thi lần hai.

Điều 15. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đó quy định trong chương trình. Đề thi có thể lấy từ ngân hàng đề, do Bộ môn chủ quản tổ chức ra đề hay giáo viên phụ trách học phần trực tiếp ra. Đối với các học phần học bằng tiếng Anh do giáo viên Việt Nam giảng dạy, đề thi phải có sự thống nhất của giáo viên trường đối tác. Giáo viên tự chịu trách nhiệm về việc tổ chức thi và chấm thi theo quy định.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm và có sự phối hợp với trường đối tác. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Trường bộ môn quyết định.

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra giữa kỳ, đề kiểm tra thường xuyên và cho điểm đánh giá bộ phận. Đề thi kết thúc học phần do Bộ môn hoặc giảng viên phụ trách ra đề và thông qua Bộ môn. Bộ môn và giảng viên tự chịu trách nhiệm về việc tổ chức thi và chấm thi theo quy định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm đánh giá học phần phải được nhập trực tuyến vào hệ thống quản lý của Chương trình tiên tiến; bảng điểm sau khi nhập và có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi, xác nhận của Bộ môn và làm thành 4 bảng. Các bảng điểm được gửi cho Bộ môn, Văn phòng Chương trình tiên tiến và phòng Đào tạo đại học chậm nhất một tuần sau ngày thi kết thúc học phần. Văn phòng Chương trình tiên tiến có trách nhiệm thông báo điểm thi kết thúc học phần cho sinh viên.

Văn phòng Chương trình tiên tiến có trách nhiệm quản lý điểm của sinh viên; vào điểm học của sinh viên ngay sau khi nhận được kết quả đánh giá học phần, lưu trữ kết quả điểm và chuyển file điểm về phòng Đào tạo đại học chậm nhất sau 3 ngày kể từ khi nhận được kết quả điểm.

5. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Có thời gian lên lớp đạt tối thiểu 80% thời gian qui định cho học phần đó.

- Dự đủ số lần kiểm tra theo qui định cho mỗi học phần và có ít nhất 50% số lần kiểm tra đạt yêu cầu.

- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như bỏ dự thi và phải nhận điểm F.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trường phòng Đào tạo đại học cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có). Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau.

7. Xác minh điểm: Sinh viên có thắc mắc điểm cần đến Văn phòng CTTT để xác minh. Trường hợp có sai sót về điểm hoặc chưa đủ căn cứ xác minh thì cán bộ Văn phòng CTTT trực tiếp gặp phòng Đào tạo đại học để giải quyết. Kết quả xác minh phải được thông báo công khai cho sinh viên.

Điều 16. Cách đánh giá kết quả học tập theo thang điểm

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành thang điểm chữ.

a. Loại đạt:

Thang điểm chữ	Thang điểm 10	Loại
A+	9,5 – 10	Xuất sắc
A	8,5 – 9,4	Giỏi
B+	8,0 – 8,4	Khá
B	7,0 – 7,9	Khá
C+	6,5 – 6,9	Trung bình
C	5,5 – 6,4	Trung bình
D+	5,0 – 5,4	Trung bình yếu
D	4,0 – 4,9	Trung bình yếu

b. Loại không đạt: F (dưới 4,0): Kém

2. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I- Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X- Chưa nhận được kết quả thi.

3. Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

4. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng phòng Đào tạo đại học cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng phòng Đào tạo đại học chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo đại học chưa nhận được kết quả học tập của sinh viên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 17. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm TBC học kỳ và TBC tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A và A+ tương ứng với 4,0

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0.

2. Điểm TBC học kỳ và TBC tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 18. Thực tập cuối khóa và làm đồ án tốt nghiệp (Chắc chắn phải sửa)

Học kỳ cuối khóa, sinh viên được nhận đề tài để làm đồ án tốt nghiệp và được quy định như sau:

a) Sinh viên chỉ được phép đi thực tập tốt nghiệp sau khi đã hoàn thành các môn học theo quy định trong chương trình đào tạo. Đối với các học phần của 2 học kỳ cuối, nếu điều kiện chưa cho phép học lại, sinh viên được phép nợ cho đến thời điểm trước khi bảo vệ tốt nghiệp. Sau thời hạn quy định mà sinh viên không hoàn thành các môn học sẽ

không được bảo vệ đồ án.

Sửa lại thành thăm quan

c) Phòng Đào tạo đại học cấp các quyết định đi thực tập. Bộ môn chủ quản và Văn phòng Chương trình tiên tiến quyết định giao đề tài và cho phép làm đồ án tốt nghiệp sau khi thông qua danh sách sinh viên đủ điều kiện làm đồ án tại phòng Đào tạo đại học.

d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn: Giảng viên hướng dẫn xác định hướng đề tài cho sinh viên và hướng dẫn sinh viên xây dựng đề cương và hoàn thành đồ án tốt nghiệp. Giảng viên chịu trách nhiệm trước Bộ môn về nhắc nhở sinh viên hoàn thành tiến độ làm đồ án và các thủ tục cần thiết khác theo quy định. Bộ môn có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu thực tập, chịu trách nhiệm thông qua đề tài tốt nghiệp và phân công giáo viên hướng dẫn, tổ chức và giám sát việc làm đồ án tốt nghiệp của sinh viên thuộc Bộ môn chủ quản, làm các thủ tục thành lập Hội đồng chấm tốt nghiệp. Văn phòng Ban chỉ đạo có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục liên quan để ra quyết định cho sinh viên làm đồ án tốt nghiệp, theo dõi và giám sát tình hình tổ chức làm đồ án tốt nghiệp của sinh viên thực hiện theo đúng kế hoạch làm đồ án tốt nghiệp của Nhà trường.

Đối với một số trường hợp đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, Nhà trường có thể bố trí thời gian làm đồ án kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Sinh viên viết và bảo vệ đồ án tốt nghiệp bằng tiếng Anh.

Điều 19. Chấm đồ án và bảo vệ tốt nghiệp

1. Đồ án của sinh viên sau khi hoàn thành được người hướng dẫn cho phép bảo vệ tốt nghiệp sẽ được giáo viên phản biện chấm. Nếu điểm chấm của giáo viên phản biện đạt từ 5,0 điểm trở lên thì đồ án mới được đưa ra bảo vệ trước Hội đồng tốt nghiệp bằng tiếng Anh.

2. Hội đồng tốt nghiệp có thể 3, 5 hay 7 người. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng bảo vệ tốt nghiệp và danh sách các thành viên của Hội đồng.

3. 3. Thang điểm đánh giá đồ án tốt nghiệp: theo thang điểm 10. Điểm chấm đồ án tốt nghiệp là điểm trung bình các điểm của người chấm phản biện và điểm của từng thành viên Hội đồng. Điểm đánh giá của các thành viên không chênh nhau quá 2 điểm, nếu có ít nhất một thành viên đánh giá điểm dưới 5,0 thì đồ án tốt nghiệp được đánh giá

là Không đạt yêu cầu. Sinh viên có đồ án tốt nghiệp không đạt yêu cầu phải đăng ký làm lại đồ án tốt nghiệp và bảo vệ trong thời gian tối đa là một năm, nếu không hoàn thành phải đăng ký đi thực tập tốt nghiệp lại.

Điểm đồ án tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

4. Sinh viên có đồ án tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án tốt nghiệp.

Điều 20. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần quy định trong Điều 2 của Quy chế này.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và tiếng Anh theo quy định.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng Đào tạo đại học làm Thư ký và các thành viên là các đơn vị liên quan.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 21. Cấp bằng tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp đại học (song ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh) của sinh viên đào tạo theo Chương trình tiên tiến do Trường Đại học Mở - Địa chất cấp và kèm theo chứng chỉ của Trường đối tác, khi xem xét các điều kiện liên quan đến trình độ tiếng Anh và chuyên môn để học tiếp ở bậc cao hơn được coi như tốt nghiệp tại nước ngoài.

Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học như sau:

- a) Loại Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần.

4. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 3 Điều 15 (sau khi sửa đổi, trước là Điều 12) của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, làm đồ án tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

